

ĐỀ ÔN THI GIỮA KỲ - PPLNCKH – ĐỀ 1

Nội dung câu hỏi nhóm (Từ câu 1 đến câu 8)

PHẦN ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn trích dưới đây và chọn đáp án đúng cho các câu hỏi

Để tìm hiểu thực trạng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của sinh viên sư phạm, chúng tôi tiến hành khảo sát 192 sinh viên năm 4 của trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế bằng bảng câu hỏi. Kết quả khảo sát cho thấy, hơn 80% sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của giáo viên là rất quan trọng và quan trọng. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận nhỏ sinh viên có nhận thức chưa tốt về kỹ năng tư vấn này. Cụ thể có 16 sinh viên (chiếm 8,3%) cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở giáo viên thỉnh thoảng quan trọng và có 12 sinh viên (chiếm 6,3%) cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở người giáo viên là không quan trọng. Về mức độ đạt được các kỹ năng tư vấn ở sinh viên, kết quả nghiên cứu cho thấy, đánh giá một cách tổng thể sinh viên chưa đáp ứng tốt các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn. Cụ thể ở mức độ rất tốt và tốt mới chỉ đạt 11%, số còn lại đa phần đạt ở mức khá và trung bình khá với 69%. Mức độ kỹ năng tư vấn ở sinh viên đạt ở mức yếu còn khá nhiều, chiếm tới 19,3%.

(Nguyễn Văn Bắc - Nguyễn Bá Phú, 2020)

Câu 1: Chủ đề chính của đoạn trích là gì?

- A. Thực trạng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của sinh viên sư phạm Huế.
- B. Thực trạng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của sinh viên sư phạm.
- C. Kỹ năng tư vấn học tập và các yếu tố liên quan.
- D. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tư vấn học tập

Câu 2: Phương pháp nghiên cứu nào đã được nhà nghiên cứu sử dụng để tìm hiểu thực trạng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của sinh viên sư phạm?

- A. Thảo luận nhóm
- B. Quan sát khoa học
- C. Khảo sát bằng bảng câu hỏi
- D. Thực nghiệm khoa học.

Câu 3: Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- A. Hầu hết sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của giáo viên là rất quan trọng và quan trọng.
- B. Hầu hết sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của giáo viên không quan trọng.
- C. Một số ít sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của giáo viên là rất quan trọng và quan trọng.
- D. Hầu hết sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập cho học sinh của giáo viên là kỹ năng rất khó.

Câu 4: Nhà nghiên cứu đã sử dụng công cụ nghiên cứu nào để thu thập thông tin?

A. Bảng câu hỏi khảo sát.

B. Bảng câu hỏi phỏng vấn

C. Bảng hướng dẫn quy trình thực hiện quan sát khoa học

D. Các quy trình thực hiện thực nghiệm khoa học

Câu 5: Nhà nghiên cứu thu thập thông tin từ ai?

A. Sinh viên năm 1 của trường Đại học Sư phạm.

B. Sinh viên của trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

C. Sinh viên năm 4 của Đại học Huế

D. Sinh viên năm 4 của trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Câu 6: Trong số các thông tin dưới đây, thông tin nào đúng với kết quả nghiên cứu?

A. 16 sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở giáo viên thỉnh thoảng quan trọng và có 12 sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở người giáo viên là không quan trọng.

B. 16 sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở giáo viên rất quan trọng và có 12 sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở người giáo viên là không quan trọng.

C. 16 sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở giáo viên thỉnh thoảng quan trọng và có 12 sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở người giáo viên là cực kỳ quan trọng.

D. 6,3% sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở giáo viên thỉnh thoảng quan trọng và có 8,3% sinh viên cho rằng kỹ năng tư vấn học tập ở người giáo viên là không quan trọng.

Câu 7: Trong số các thông tin dưới đây, thông tin nào đúng với kết quả nghiên cứu?

A. sinh viên đáp ứng tốt các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn.

B. sinh viên chưa đáp ứng tốt các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn.

C. sinh viên đáp ứng các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn ở mức yếu.

D. sinh viên không quan tâm các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn.

Câu 8: Trong số các thông tin dưới đây, thông tin nào đúng với kết quả nghiên cứu?

A. 69% sinh viên đáp ứng trung bình các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn.

B. 19.3% sinh viên đáp ứng yếu các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn.

C. 11% sinh viên đáp ứng tốt các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn.

D. 69% sinh viên đáp ứng ở mức khá và trung bình khá các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với kỹ năng tư vấn.

Câu 9: Khung mẫu là gì?

A. Số lượng các phần tử được chọn để thu thập thông tin, ký hiệu là n

B. Những nhóm nhỏ của đám đông được phân chia theo một tiêu chí nào đó.

C. Số lượng phần tử trong dân số, ký hiệu là N .

D. Danh sách của tất cả các phần tử trong dân số nghiên cứu.

Nội dung câu hỏi nhóm (Từ câu 10 đến câu 16)

PHẦN BÀI TẬP ỨNG DỤNG

Đọc vấn đề nghiên cứu dưới đây và chọn câu trả lời đúng cho các câu hỏi:

Một nhóm các nhà nghiên cứu đã thực hiện một nghiên cứu nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên tại TPHCM. Kết hợp phương pháp định tính và định lượng, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi 300 SV từ các trường Đại học tại TPHCM. Các yếu tố được đưa vào mô hình nghiên cứu bao gồm: mạng xã hội, giá cả, tiện lợi, bạn bè, nhu cầu cá nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy giá cả, mạng xã hội là những biến số độc lập có ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định mua hàng trực tuyến của SV TPHCM.

Câu 10: Đối tượng nghiên cứu của nghiên cứu trên là gì?

A. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên.

B. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên tại TPHCM

C. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên một số trường đại học tại TPHCM

D. các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên tại TPHCM và các hậu quả.

Câu 11: Trong số các chiến lược chọn mẫu dưới đây, chiến lược chọn mẫu nào KHÔNG PHÙ HỢP cho nghiên cứu này:

A. Chọn mẫu phi xác suất tích lũy mầm

B. Chọn mẫu phi xác suất thuận tiện

C. Chọn mẫu xác suất theo cụm

D. Chọn mẫu xác suất phân tầng

Câu 12: Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, các nhà nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập thông tin nào:

A. Phỏng vấn chuyên gia

B. Phỏng vấn nhanh

C. Khảo sát bằng bảng câu hỏi

D. Quan sát khoa học

Câu 13: Trong số các biến số ngoại lai liệt kê dưới đây, biến số nào KHÔNG PHÙ HỢP cho nghiên cứu này:

A. Năm học

B. Ngành học

C. Giới tính

D. Nghề nghiệp

Câu 14: Trong số các biến số liệt kê dưới đây, nhóm biến số nào là nhóm các biến số độc lập?

- A. Mạng xã hội, giá cả, thu nhập, bạn bè, nhu cầu cá nhân.
- B. Mạng xã hội, giá cả, tiện lợi, giới tính, nhu cầu cá nhân.
- C. Mạng xã hội, giá cả, tiện lợi, bạn bè, nhu cầu cá nhân.
- D. Mạng xã hội, giá cả, tiện lợi, gia đình, nhu cầu cá nhân.

Câu 15: Trong số các câu sau đây, câu nào chỉ ra mục tiêu CHÍNH của nghiên cứu?

- A. Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên tại TPHCM.
- B. Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học trực tuyến của sinh viên tại TPHCM.
- C. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên tại TPHCM.
- D. Tìm hiểu quyết định mua hàng trực tuyến của sinh viên tại TPHCM.

Câu 16: Đối tượng sinh viên nào được chọn để thực hiện khảo sát trong nghiên cứu này?

- A. Sv thường mua hàng trực tuyến ở TPHCM
- B. SV từ các trường đại học tại TPHCM
- C. SV năm nhất các trường đại học tại TPHCM
- D. SV thường mua hàng trực tuyến trên các mạng xã hội.

Câu 17: Khi hoàn tất các bước chuẩn bị nghiên cứu, **ngay sau đó** nhà nghiên cứu cần làm gì?

- A. Xây dựng đề cương nghiên cứu
- B. Tiến hành khảo sát
- C. Viết báo cáo nghiên cứu
- D. Xử lý số liệu

Câu 18: Chọn câu trả lời đúng về đặc điểm của phương pháp phỏng vấn có cấu trúc chặt chẽ:

- A. Người được phỏng vấn trả lời câu hỏi bằng từ ngữ của mình
- B. Người được phỏng vấn không cần trả lời
- C. Người được phỏng vấn viết câu trả lời vào phiếu
- D. Người được phỏng vấn sẽ chọn câu trả lời từ các phương án trả lời cho trước.

Câu 19: Ý nào dưới đây **không phải** quan điểm phương pháp luận chung trong NCKH?

- A. Quan điểm thực tiễn
- B. Quan điểm hệ thống cấu trúc
- C. Quan điểm lịch sử - logic
- D. Quan điểm hệ thống-logic

Câu 20: Dữ liệu định lượng là gì?

- A. Là dữ liệu dạng số, được phân tích bằng các phép tính thống kê

- B. Là dữ liệu được ghi nhận ở dạng từ ngữ, mô tả hay tường thuật.
- C. Là dữ liệu được thu thập từ thực tiễn qua các phương pháp thu thập dữ liệu
- D. Là dữ liệu thu thập từ các nguồn tài liệu có sẵn.

Câu 21: “*Tạo ra tri thức mới, phương pháp mới, sản phẩm mới, quy trình công nghệ mới, giải pháp mới*” là chức năng nào của NCKH?

- A. Sáng tạo** B. Giải thích C. Mô tả D. Tiên đoán

Câu 22: Giả thuyết nghiên cứu là gì?

- A. Là một nhận định có tính phỏng đoán về vấn đề nghiên cứu**
- B. Là một nhận định về vấn đề nghiên cứu không cần chứng minh
- C. Là một nhận định chắc chắn về vấn đề nghiên cứu
- D. Là một nhận định về vấn đề nghiên cứu đã được kiểm chứng.

Câu 23: Phương pháp nghiên cứu khoa học là gì?

- A. Con đường, cách thức. phương tiện nhà nghiên cứu dùng để đạt được mục đích nghiên cứu.
- B. Con đường, cách thức. phương tiện nhà nghiên cứu dùng để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, để đạt được mục tiêu một cách chính xác, hiệu quả.**
- C. Bộ môn khoa học xây dựng học thuyết về cách thức tiến hành các nghiên cứu một cách có hệ thống và khoa học.
- D. Bộ môn khoa học về cách thức tiến hành các nghiên cứu một cách có hệ thống và khoa học.

Câu 24: Đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên là gì?

- A. Các vật thể, hiện tượng tồn tại trong tự nhiên và các quy luật tự nhiên**
- B. Các vật thể, hiện tượng tồn tại trong tự nhiên
- C. Con người hay cộng đồng người và các hành vi của họ
- D. Con người hay cộng đồng người và các hành vi, hoạt động cá nhân hay tập thể của họ

Câu 25: Thành tố nào của PPLNCKH trả lời cho câu hỏi “Cần chứng minh điều gì?”

- A. Quan điểm B. Luận chứng **C. Luận điểm** D. Luận cứ

Câu 26: Dựa trên tác động của nhà nghiên cứu đối với đối tượng thu thập dữ liệu, thiết kế nghiên cứu gồm:

- A. Định lượng, hỗn hợp, định tính **B. Thực nghiệm, phi thực nghiệm**
- C. Thực nghiệm, định lượng D. Cắt ngang, trước-sau, dài hạn

Câu 27: Ý nào dưới đây phát biểu KHÔNG ĐÚNG về thông tin thứ cấp?

- A. Cả nghiên cứu định lượng và định tính đều sử dụng nguồn thông tin thứ cấp.
- B. Nghiên cứu định lượng không sử dụng nguồn thông tin thứ cấp.
- C. Nghiên cứu định tính lấy ra những thông tin thứ cấp ở dạng tường thuật hay mô tả.
- D. Nghiên cứu định lượng lấy ra những thông tin thứ cấp ở dạng số hay phân loại.

Câu 28: Thông tin nào nhà nghiên cứu KHÔNG cần tìm khi đọc tài liệu?

- A. Các phương pháp được sử dụng để tìm kiếm thông tin.
- B. Các mục tiêu nghiên cứu chính
- C. Luận cứ, các kết luận và đề xuất.
- D. Luận điểm, các câu hỏi nghiên cứu chính.

Câu 29: Mục tiêu chính là gì?

- A. Là những khía cạnh được xác định trong nghiên cứu.
- B. Là đoạn khái quát về mục tiêu chính của nghiên cứu
- C. Là những khía cạnh cụ thể trong phạm vi nghiên cứu.
- D. Là câu khái quát về nội dung chính của nghiên cứu.

Câu 30: Câu hỏi đóng là gì?

- A. Người tham gia khảo sát chọn câu trả lời từ phương án trả lời có sẵn
- B. Người tham gia khảo sát có thể từ chối không trả lời.
- C. Người tham gia khảo sát trả lời câu hỏi bằng từ ngữ của họ.
- D. Người tham gia khảo sát viết câu trả lời vào giấy.